

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thực hiện thí điểm liên thông nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường, hoạt động xây dựng, đầu tư, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ và các Sở, ngành có liên quan tại Tờ trình liên sở số 2866/TTr-LS ngày 08/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện thí điểm liên thông nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường, hoạt động xây dựng, đầu tư, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Thuận; chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (Văn phòng CP);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC Lam

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Anh Dũng

QUY CHẾ

**Thực hiện thí điểm liên thông một số nhóm thủ tục hành chính
lĩnh vực môi trường, hoạt động xây dựng, đầu tư, thành lập
và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và một số
ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trên địa bàn tỉnh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2460 /QĐ-UBND ngày 23 /11/2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, hồ sơ, thời gian, quy trình và trách nhiệm của các cơ quan có liên quan đến việc tiếp nhận, luân chuyển, giải quyết hồ sơ và trả kết quả trong quá trình thực hiện thí điểm liên thông nhóm thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực môi trường, hoạt động xây dựng, đầu tư, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trên địa bàn tỉnh Bình Thuận thuộc thẩm quyền giải quyết, tham mưu giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Thuận, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Các nhóm TTHC sau đây:

a) Nhóm 1: Liên thông thủ tục phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (*thuộc thẩm quyền tham mưu giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt*) với thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (*đối với các dự án đầu tư trong các Khu công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Thuận*).

b) Nhóm 2: Liên thông thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài (*thuộc thẩm quyền tham mưu giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*) với một trong các TTHC sau đây:

(1) Thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

(2) Thủ tục đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

(3) Thủ tục đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

(4) Thủ tục đăng ký thành lập công ty cổ phần (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

(5) Thủ tục đăng ký thành lập công ty hợp danh (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

c) Nhóm 3: Liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*) với một trong các TTHC sau đây:

(1) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế*).

(2) Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế*).

(3) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

d) Nhóm 4: Liên thông thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện*) với thủ tục cấp Giấy phép hoạt động Phòng khám chuyên khoa (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Tài nguyên và Môi trường.
2. Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Thuận.
3. Văn phòng UBND tỉnh.
4. Sở Kế hoạch và Đầu tư.
5. Sở Y tế.
6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
7. UBND cấp huyện.
8. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện liên thông các nhóm TTHC theo quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc giải quyết hồ sơ của các nhóm TTHC liên thông

1. Tuân thủ đúng Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Quyết định số

11/2019/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Bình Thuận và các văn bản khác có liên quan.

2. Nhà đầu tư, doanh nghiệp có quyền lựa chọn áp dụng hoặc không áp dụng thực hiện liên thông các nhóm TTHC theo quy định này.

3. Quá trình giải quyết TTHC liên thông được thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và có sự theo dõi, đôn đốc, kiểm tra của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. TTHC được thực hiện đảm bảo thuận tiện, nhanh chóng, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời gian giải quyết và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Chương II

HỒ SƠ, THỜI GIAN, QUY TRÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC LIÊN THÔNG

Điều 4. Hồ sơ, thời gian, quy trình thực hiện, kết quả giải quyết, phí lệ phí liên thông TTHC nhóm 1

Liên thông thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường*) với thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (*đối với các dự án đầu tư trong các Khu công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Thuận*).

1. Thành phần, số lượng hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, phí và lệ phí: quy định tại Phần I Phụ lục V kèm theo Quy chế này.

2. Cơ quan tham gia thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Thuận, Văn phòng UBND tỉnh, Trung tâm Hành chính công tỉnh.

3. Quy trình các bước và thời gian thực hiện:

Quy trình các bước, thời gian hẹn trả kết quả và thời gian thực hiện: quy định tại Phụ lục I của Quy chế này (*kèm theo sơ đồ quy trình SDNI*).

Điều 5. Hồ sơ, thời gian, quy trình thực hiện, kết quả giải quyết, phí, lệ phí liên thông TTHC nhóm 2

Liên thông thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài (*thuộc thẩm quyền tham mưu giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*) với một trong các TTHC sau đây:

(1) Thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

(2) Thủ tục đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

(3) Thủ tục đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

(4) Thủ tục đăng ký thành lập công ty cổ phần (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

(5) Thủ tục đăng ký thành lập công ty hợp danh (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

1. Thành phần, số lượng hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, phí và lệ phí: Quy định tại Phần II Phụ lục V kèm theo Quy chế này.

2. Cơ quan tham gia thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Hành chính công tỉnh.

3. Quy trình và thời gian thực hiện:

Quy trình các bước, thời gian hẹn trả kết quả và thời gian thực hiện: quy định tại Phụ lục II của Quy chế này (*kèm theo sơ đồ quy trình SDN2*).

Điều 6. Hồ sơ, thời gian, quy trình thực hiện, kết quả giải quyết, phí và lệ phí liên thông TTHC nhóm 3

Liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*) với một trong các TTHC của ngành nghề kinh doanh có điều kiện sau:

(1) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế*).

(2) Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế*).

(3) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

1. Thành phần, số lượng hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, phí lệ phí: Quy định tại Phần III Phụ lục V kèm theo Quy chế này.

2. Cơ quan tham gia thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Hành chính công tỉnh.

3. Quy trình và thời gian thực hiện:

3.1. Quy trình các bước, thời gian hẹn trả kết quả và thời gian thực hiện liên thông của nhóm thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*) với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế*): Quy định tại Phụ lục IIIa của Quy chế này (*kèm theo sơ đồ quy trình SDN3.1, SDN3.2*).

3.2. Quy trình các bước, thời gian hẹn trả kết quả và thời gian thực hiện liên thông của nhóm thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*) với thủ tục cấp Giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế*): Được quy định tại Phụ lục IIIb của Quy chế này (*kèm theo sơ đồ quy trình SDN3.3*).

3.3. Quy trình các bước, thời gian hẹn trả kết quả và thời gian thực hiện liên thông của nhóm thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*) với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*): Quy định tại Phụ lục IIIc của Quy chế này (*kèm theo sơ đồ quy trình SDN3.4*).

Điều 7. Hồ sơ, thời gian, quy trình thực hiện, kết quả giải quyết, phí lệ phí liên thông TTHC nhóm 4

Liên thông thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện*) với thủ tục cấp Giấy phép hoạt động Phòng khám chuyên khoa (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế*).

1. Thành phần, số lượng hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, phí và lệ phí: quy định tại Phần IV Phụ lục V kèm theo Quy chế này.

2. Cơ quan tham gia thực hiện: Sở Y tế, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Trung tâm Hành chính công tỉnh, bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện.

3. Quy trình và thời gian thực hiện:

Quy trình các bước, thời gian hẹn trả kết quả và thời gian thực hiện: quy định tại Phụ lục IV của Quy chế này (*kèm theo sơ đồ quy trình SDN4*).

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Thời gian tổ chức thực hiện thí điểm

Thời gian thực hiện thí điểm liên thông nhóm TTHC tại quy định này: Từ ngày **01/12/2023** đến hết ngày **30/12/2024**.

Điều 9. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Thuận, Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố (cơ quan giải quyết TTHC)

1. Trên cơ sở quy định về thực hiện các nhóm TTHC liên thông tại quy định này, tổ chức phân công đơn vị, phòng chuyên môn và công chức có liên quan để theo dõi và thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đối với các nhóm TTHC có liên quan theo quy định này.

2. Phổ biến tuyên truyền, hướng dẫn và công khai quy định liên thông các TTHC trong phạm vi quản lý của ngành để tổ chức, cá nhân biết tham gia thực hiện các nhóm TTHC liên thông khi có nhu cầu.

3. Chịu trách nhiệm về kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết, tham mưu giải quyết của cơ quan, đơn vị mình theo đúng quy định.

4. Phối hợp với các cơ quan có thực hiện cùng nhóm TTHC liên thông để giải quyết đầy đủ, kịp thời cho tổ chức, cá nhân.

5. Trường hợp cơ quan, đơn vị tham mưu giải quyết trễ hạn hồ sơ của tổ chức, cá nhân thì phải có Thư xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả theo quy định, đồng thời phải chịu trách nhiệm về việc giải quyết trễ hạn hồ sơ của tổ chức, cá nhân.

6. Giao trách nhiệm các Sở, ngành có liên quan chủ trì theo dõi thực hiện các nhóm TTHC theo quy chế này như sau:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Làm đầu mối chủ trì theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện thí điểm liên thông của các TTHC nhóm 1;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Làm đầu mối chủ trì theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện thí điểm liên thông của các TTHC nhóm 2 và nhóm 3.

c) Sở Y tế: Làm đầu mối chủ trì theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện thí điểm liên thông của các TTHC nhóm 4.

Định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện (*lồng ghép vào báo cáo công tác kiểm soát TTHC*) về UBND tỉnh (*thông qua Văn phòng UBND tỉnh*).

Điều 10. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành trong thực hiện thí điểm các nhóm TTHC liên thông theo quy định này để cập nhật quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, đảm bảo kết nối liên thông, đồng bộ để theo

đôi, giải quyết các nhóm TTHC liên thông giữa các cơ quan, đơn vị. **Thời gian hoàn thành: Ngày 30/11/2023.**

2. Mở rộng tính năng trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để cho phép tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến các nhóm TTHC thực hiện liên thông theo Quy chế này; trong đó có chuyên mục nhóm TTHC liên thông và có các chức năng cơ bản như sau:

(1) Cho phép lựa chọn nộp các nhóm TTHC liên thông theo Quy chế này.

(2) Cho phép tổ chức, cá nhân tra cứu các quy định về thực hiện TTHC liên thông (*thành phần hồ sơ, Biểu mẫu đơn, tờ khai, quy trình các bước thực hiện, thời gian hẹn trả kết quả... và cho phép tải các giấy tờ, biểu mẫu*).

(3) Tự động gửi thông tin tiếp nhận hồ sơ và ngày hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh hoặc tin nhắn SMS, thư điện tử.

(4) Nhận thông báo trực tuyến về tình trạng thụ lý hồ sơ, trả lại hồ sơ, kết quả giải quyết hồ sơ, phí, lệ phí (nếu có) và thanh toán phí, lệ phí trực tuyến, Thông báo xin lỗi đối với hồ sơ trễ hẹn (nếu có).

(5) Tra cứu tiến trình, kết quả giải quyết hồ sơ của tổ chức, cá nhân (đến từng cơ quan, bộ phận, cá nhân có liên quan).

(6) Có mục hướng dẫn (cho phép đăng thông tin, video hướng dẫn) thực hiện đối với các loại tờ khai, biểu mẫu, loại giấy tờ kèm theo đối với các nhóm TTHC liên thông.

(7) Có thông tin đầu mối để tổ chức, cá nhân liên hệ hỗ trợ thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, thực hiện đóng phí, lệ phí (Trung tâm Hành chính công tỉnh làm đầu mối).

(8) Các cơ quan, bộ phận có liên quan trong giải quyết hồ sơ hành chính theo dõi được quá trình giải quyết hồ sơ giữa các cơ quan, đơn vị.

(9) Thống kê, báo cáo kết quả thực hiện giải quyết hồ sơ liên thông.

(10) Các chức năng khác để hỗ trợ tổ chức, cá nhân (nếu có).

Thời gian hoàn thành: Ngày 30/11/2023.

3. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị và công chức, viên chức có liên quan trong tham gia thực hiện các nhóm TTHC liên thông theo quy chế này. **Thời gian hoàn thành: Ngày 30/11/2023.**

Điều 11. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng UBND tỉnh

1. Chỉ đạo Trung tâm Hành chính công tỉnh

a) Là đầu mối hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, luân chuyển hồ sơ, theo dõi và trả kết quả giải quyết, thực hiện thu phí, lệ phí (nếu có) theo quy định đối với các TTHC có liên quan thực hiện liên thông theo Quy chế này. Không tiếp nhận hồ sơ giấy đối với các TTHC thực hiện thí điểm liên thông theo các nhóm TTHC ban hành tại quy định này.

b) Đối với thành phần hồ sơ mà quy định pháp luật bắt buộc nhà đầu tư, doanh nghiệp phải nộp bản giấy để cơ quan quản lý nhà nước lưu trữ hoặc kiểm tra đối chiếu thì bộ phận tiếp nhận hồ sơ mới yêu cầu người nộp hồ sơ cung cấp bản giấy để kiểm tra, đối chiếu theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong thực hiện thí điểm liên thông các nhóm TTHC theo quy định này. Định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (*lồng ghép vào báo cáo công tác kiểm soát TTHC*).

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo (*sau khi kết thúc thời gian thí điểm*). **Thời gian hoàn thành: Ngày 30/3/2025.**

Điều 12. Sở Nội vụ

1. Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các Sở, ngành có liên quan kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Phối hợp các ngành có liên quan đề xuất tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện thí điểm liên thông các nhóm TTHC theo quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố

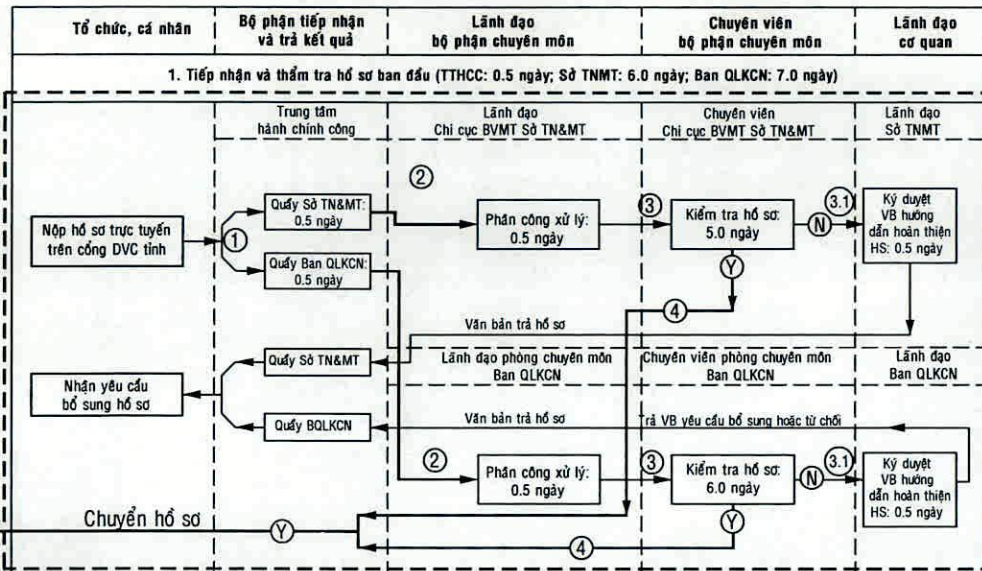
1. Chỉ đạo các phòng ban, bộ phận có liên quan làm đầu mối hướng dẫn, tiếp nhận và thực hiện giải quyết TTHC liên thông theo thẩm quyền của nhóm 4 về liên thông đăng ký thành lập hộ kinh doanh với thủ tục cấp Giấy phép hoạt động Phòng khám chuyên khoa theo quy chế này.

2. Tổ chức tuyên truyền rộng rãi, nhiều hình thức việc thực hiện các nhóm TTHC liên thông theo Quy chế này để tổ chức, cá nhân biết, tham gia thực hiện.

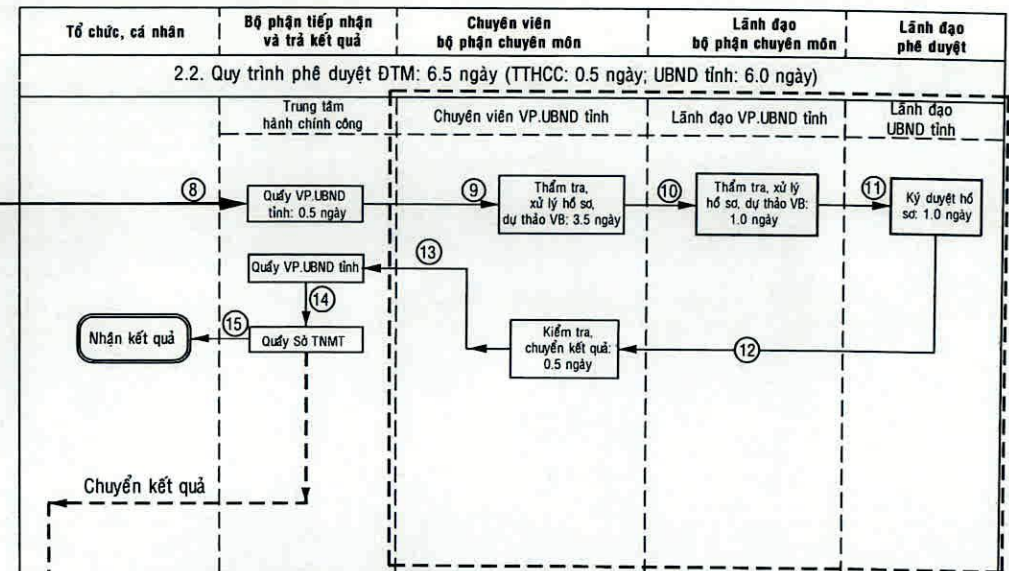
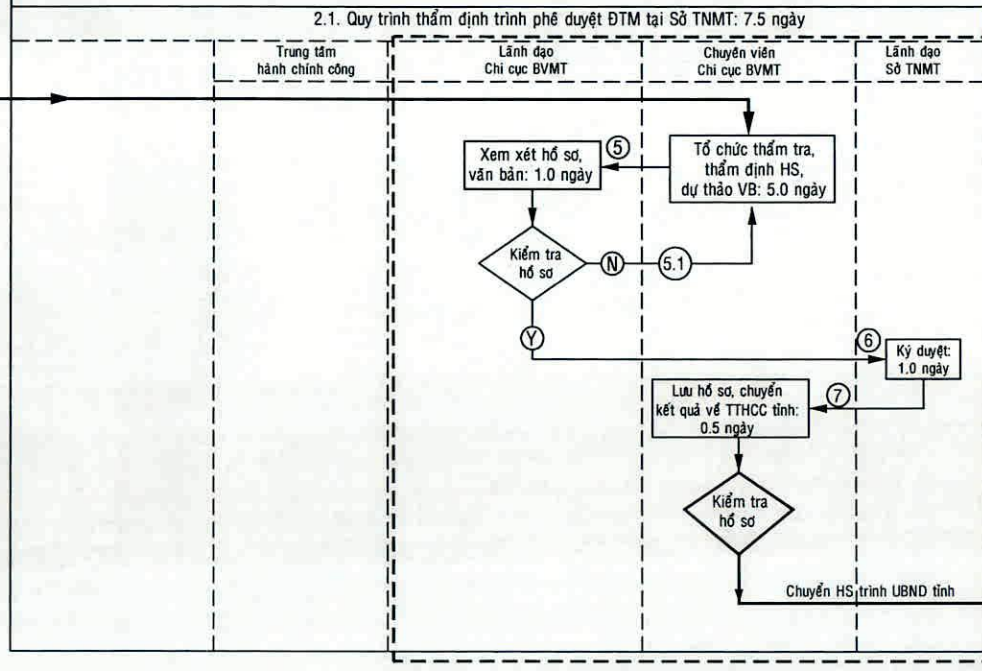
Điều 14. Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Thuận, Báo Bình Thuận

Tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các chuyên trang, chuyên mục của Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Thuận, Báo Bình Thuận để tổ chức, cá nhân biết tham gia thực hiện liên thông nhóm TTHC theo quy định này trên địa bàn tỉnh./.

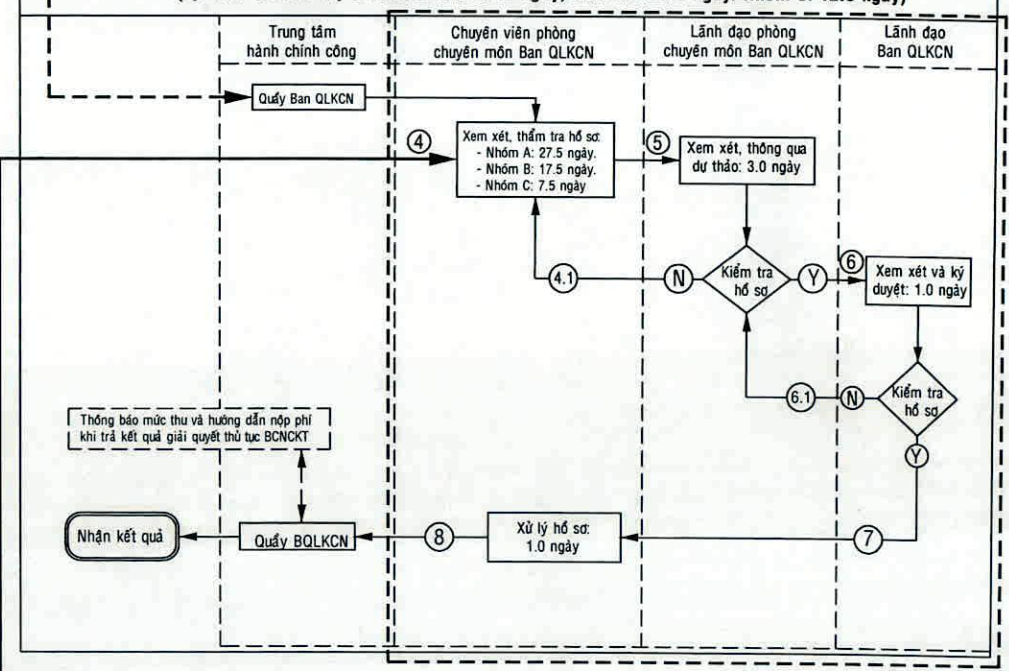
Quy trình liên thông Nhóm 1: Thủ tục phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) với thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT) đầu tư xây dựng/điều chỉnh BCNCKT đầu tư xây dựng. Thời gian hạn trả kết quả: Dự án Nhóm A là 40 ngày; Nhóm B: 30 ngày; Nhóm C: 20 ngày



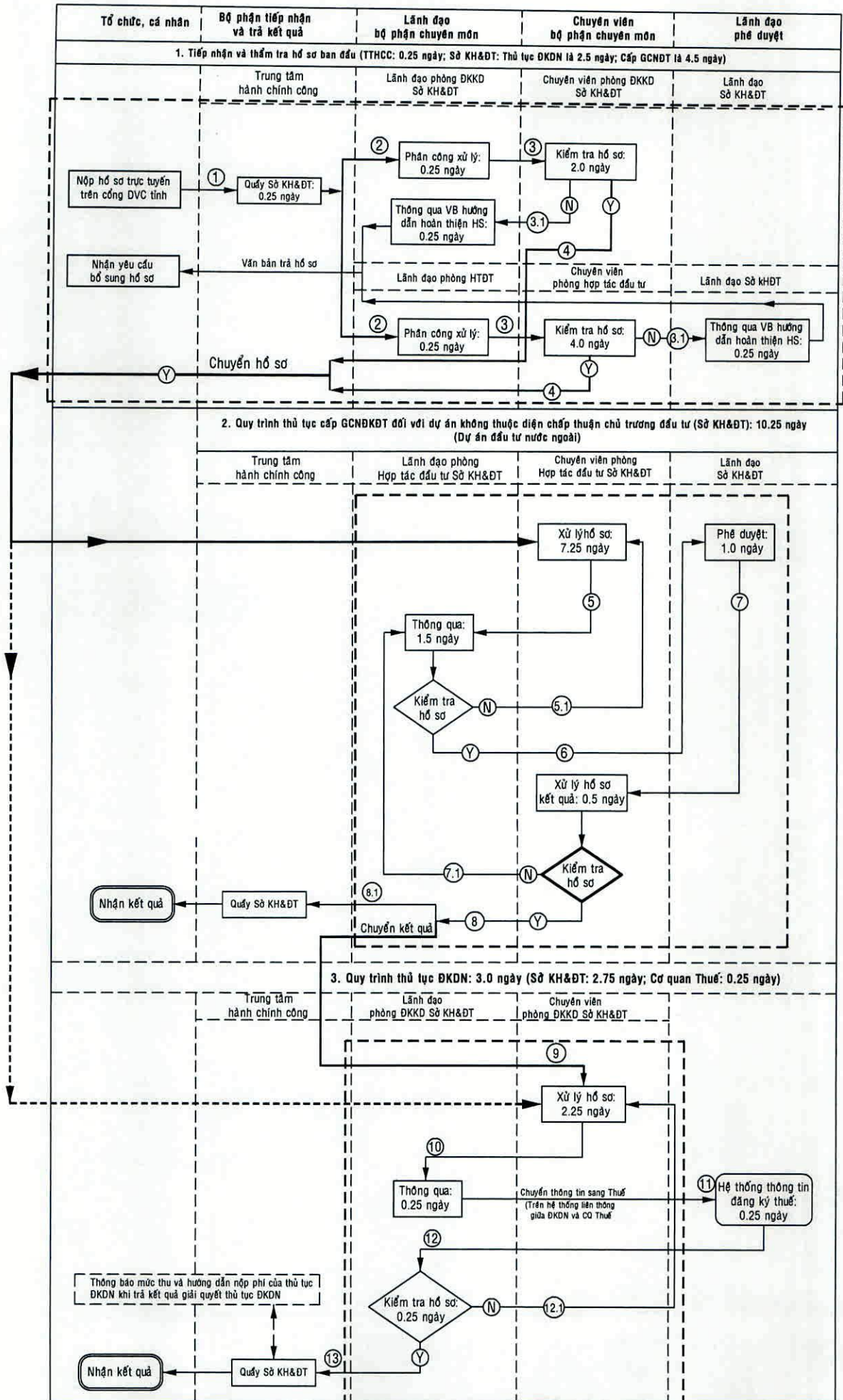
2. Quy trình phê duyệt ĐTM: 14.0 ngày (TTHCC: 0.5 ngày; Sở TNMT: 7.5 ngày; UBND tỉnh: 6.0 ngày)



3. Thẩm định BCNCKT đầu tư xây dựng/điều chỉnh BCNCKT đầu tư xây dựng: (tại Ban QLKCN: Dự án Nhóm A là 32.5 ngày; Nhóm B: 22.5 ngày; Nhóm C: 12.5 ngày)



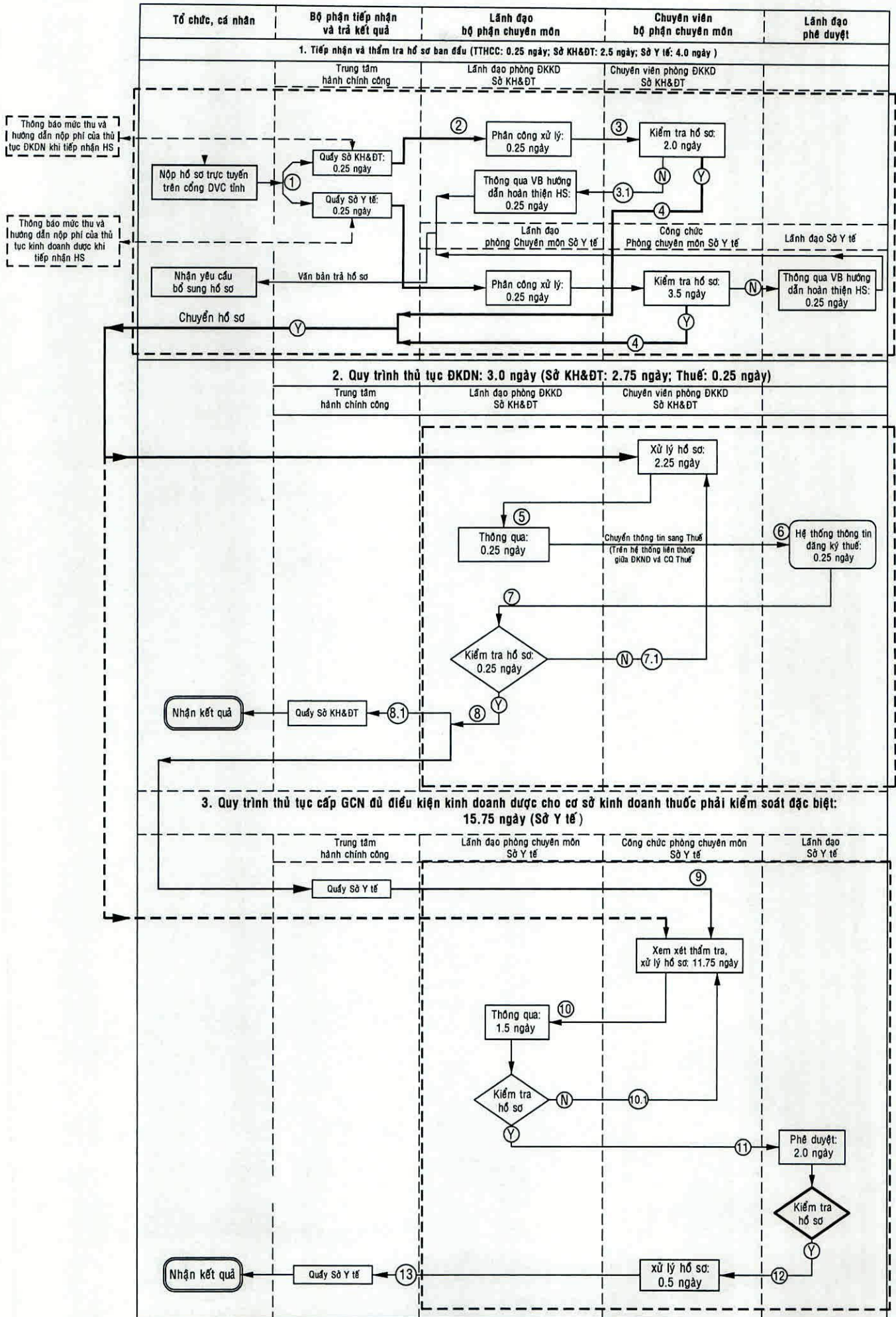
Quy trình liên thông Nhóm 2: Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (GCNĐKĐT) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (Dự án Đầu tư nước ngoài) với thủ tục Đăng ký thành lập DNTN, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp doanh (ĐKDN).
Thời gian hạn trả kết quả: 18.0 ngày



SĐN3.1

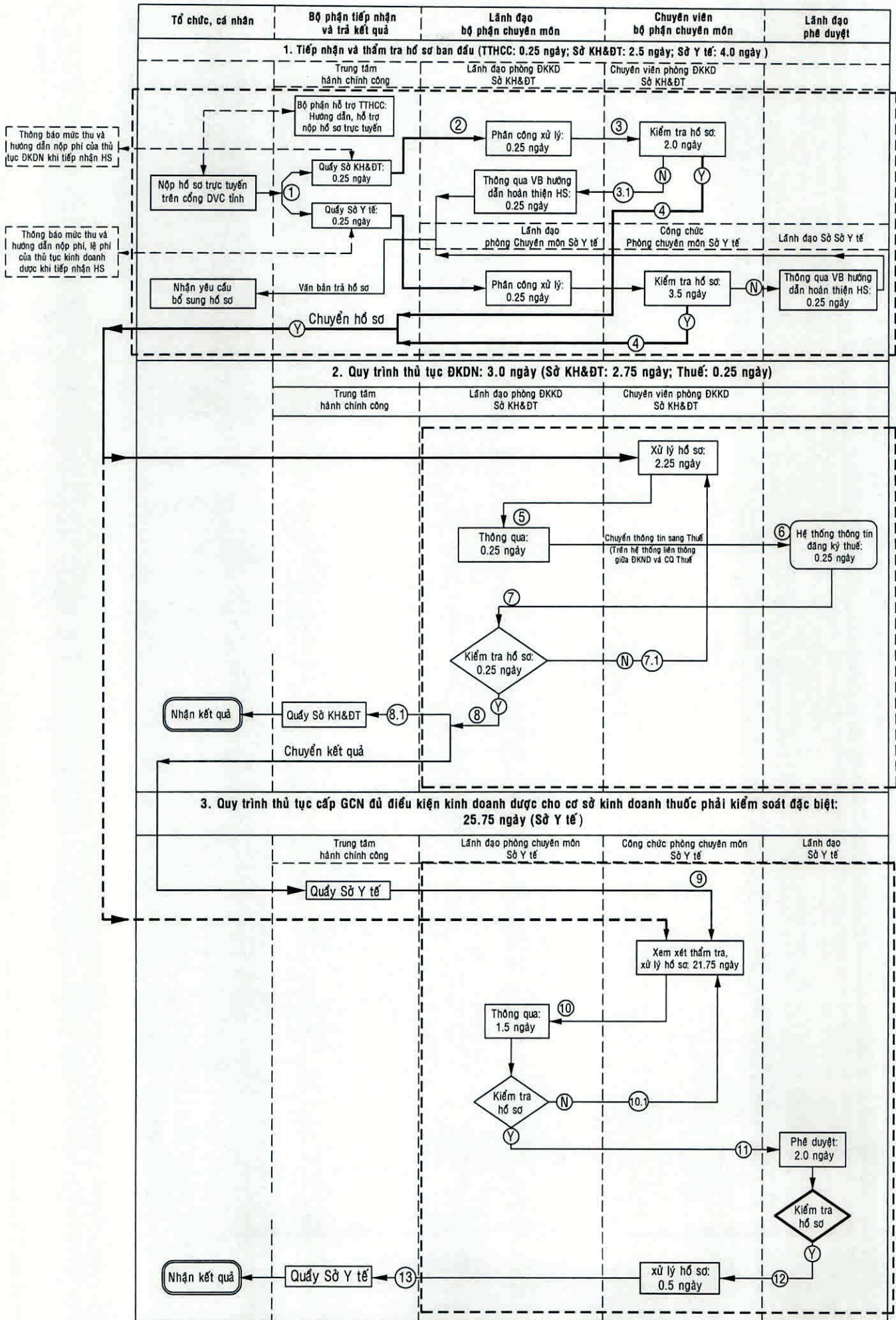
Quy trình liên thông Nhóm 3: Thủ tục đăng ký thành lập Doanh nghiệp tư nhân với thủ tục cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở kinh doanh thuộc phải kiểm soát đặc biệt (Trường hợp không đi cơ sở).

Thời gian hạn trả kết quả: 23.0 ngày

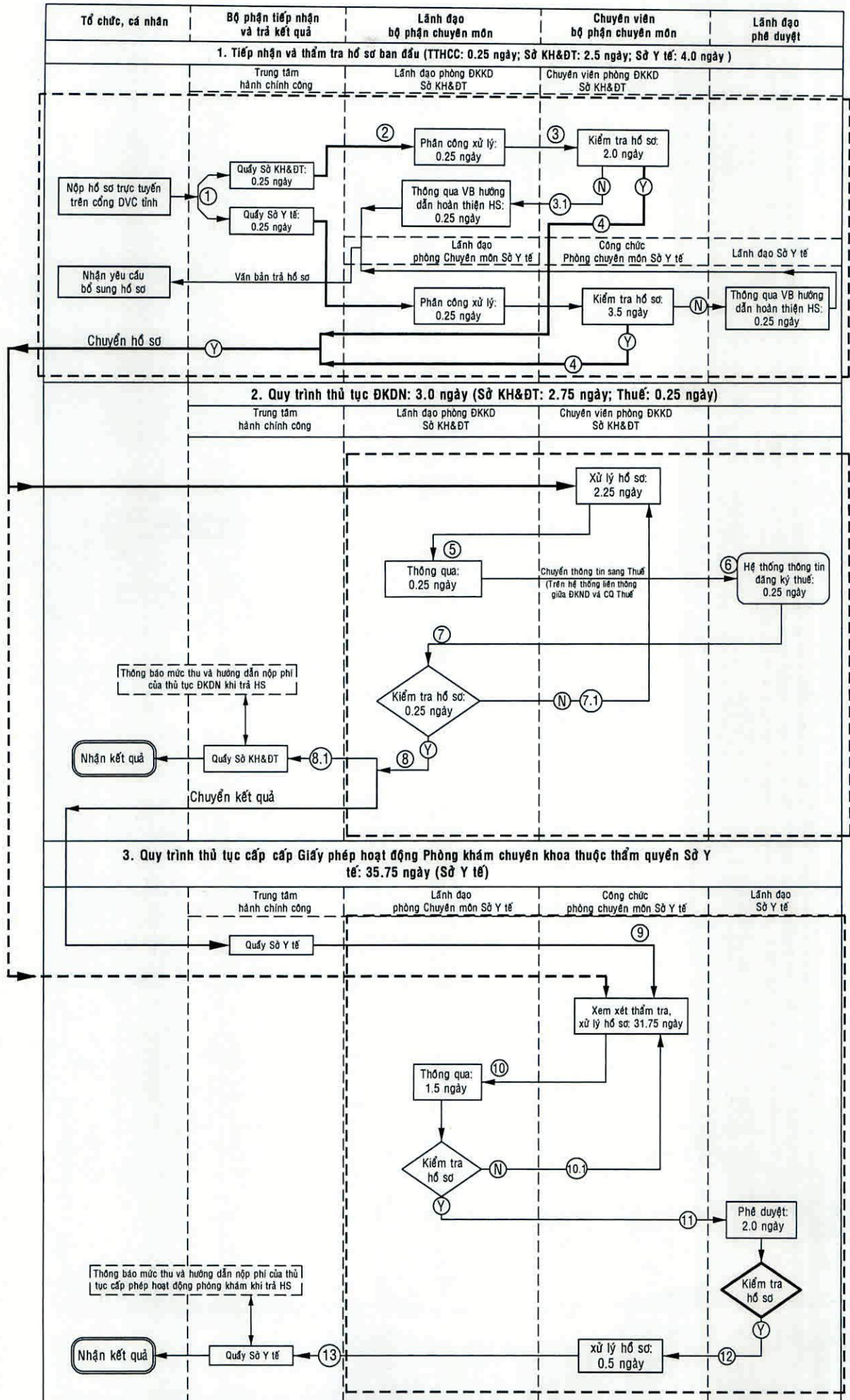


Quy trình liên thông Nhóm 3: Thủ tục đăng ký thành lập Doanh nghiệp tư nhân với thủ tục cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở kinh doanh thuộc phải kiểm soát đặc biệt (Trường hợp đi cơ sở).

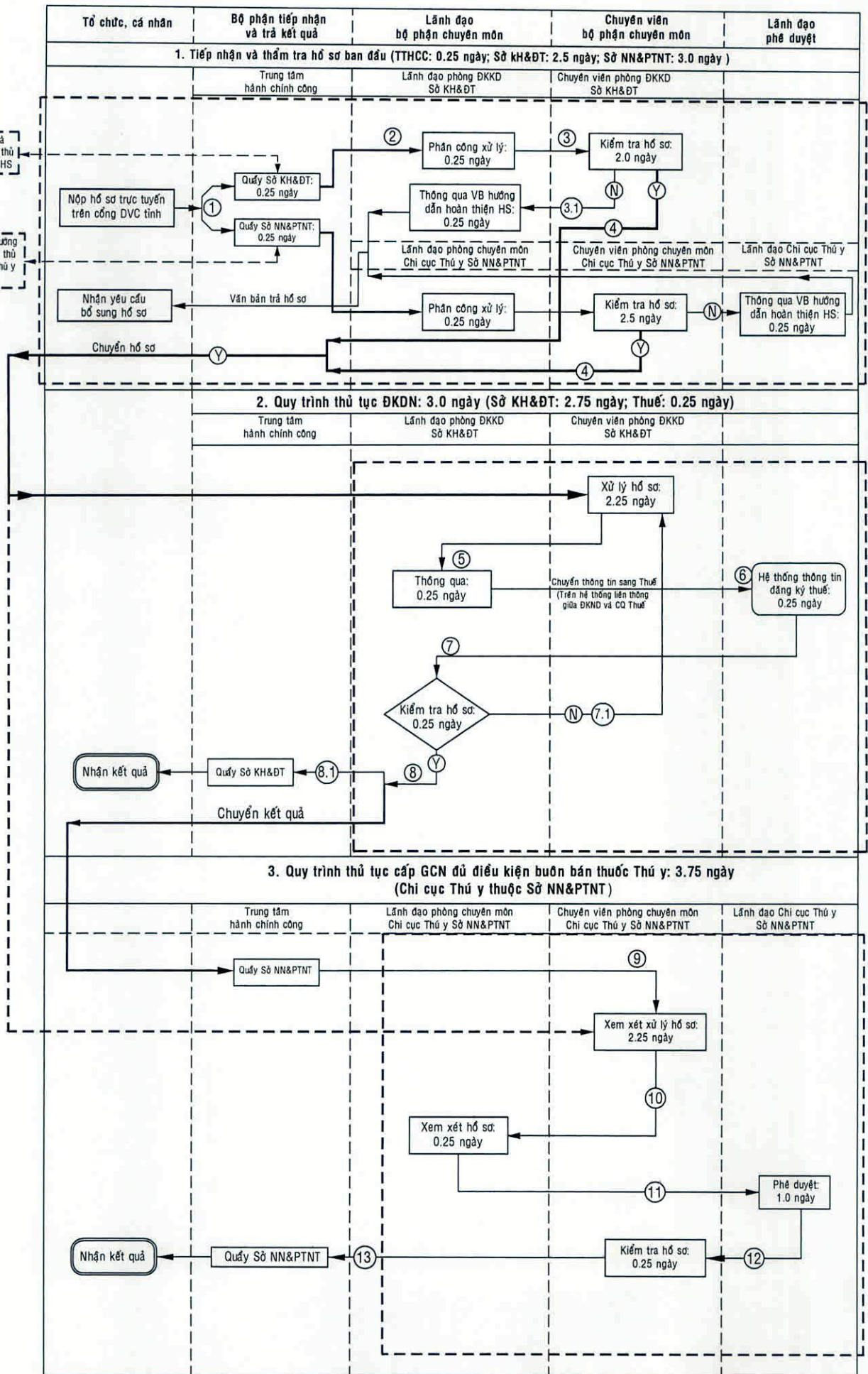
Thời gian hạn trả kết quả: 33.0 ngày



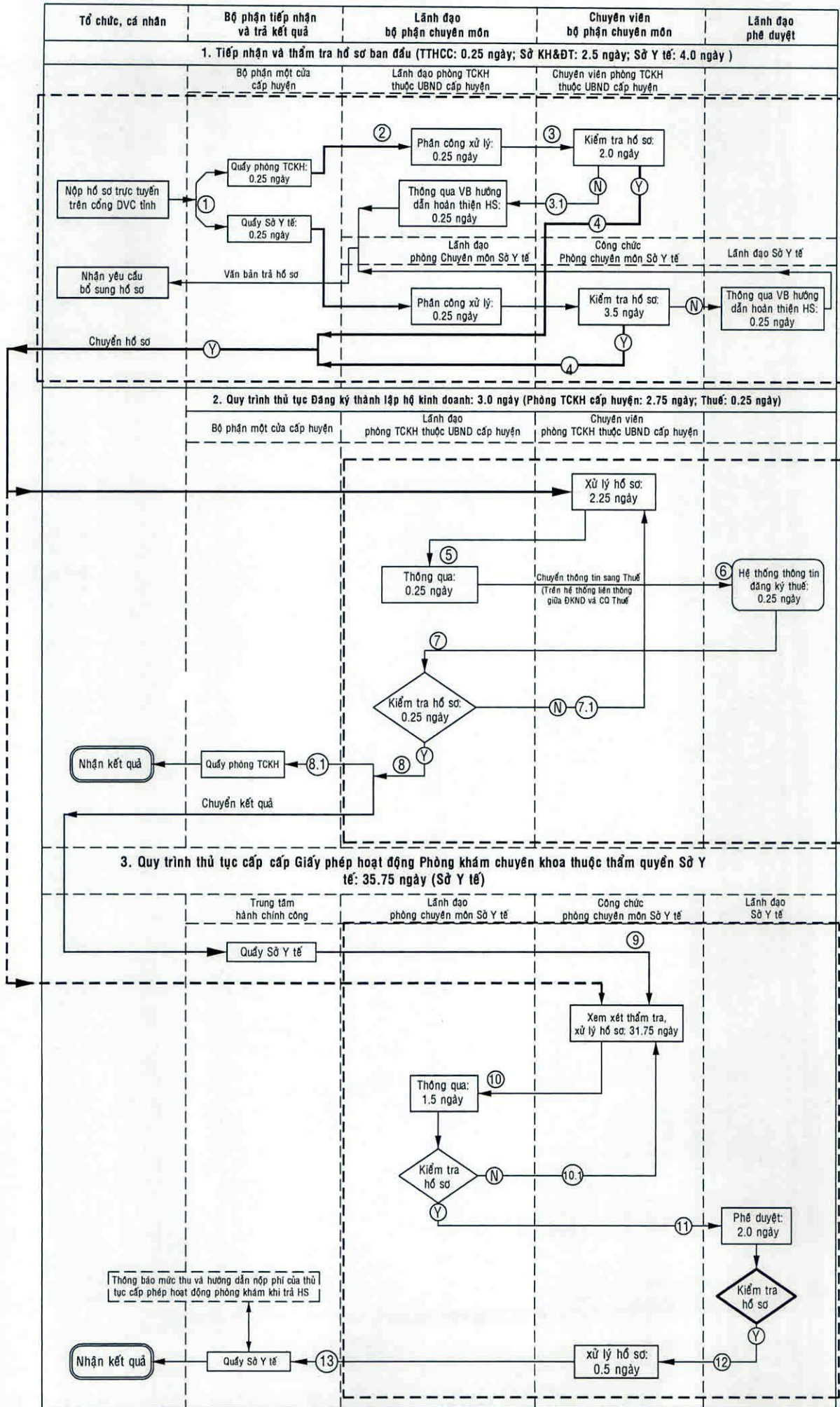
Quy trình liên thông: Đăng ký thành lập Doanh nghiệp tư nhân với thủ tục cấp Giấy phép hoạt động Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền Sở Y tế.
 Thời gian hạn trả kết quả: 43.0 ngày



Quy trình liên thông TTHC Nhóm 3: Đăng ký thành lập Doanh nghiệp tư nhân với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc Thú y.
Thời gian hạn trả kết quả: 10.0 ngày



Quy trình liên thông: Đăng ký thành lập hộ kinh doanh với thủ tục cấp Giấy phép hoạt động Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền Sở Y tế.
Thời gian hạn trả kết quả: 43.0 ngày



Phụ lục I

QUY TRÌNH CÁC BƯỚC VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN LIÊN THÔNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NHÓM 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2460 /QĐ-UBND ngày 23 / 11 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận)

Liên thông thủ tục phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (thuộc thẩm quyền tham mưu giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt) với thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (đối với các dự án đầu tư trong các Khu công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp).

Thời gian hẹn trả kết quả:

Dự án nhóm A: 40 ngày, Dự án nhóm B: 30 ngày, Dự án nhóm C: 20 ngày.

Trình tự	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)	Ghi chú
1. Tiếp nhận và thẩm tra hồ sơ ban đầu (TTHCC: 0,5 ngày; Sở TNMT: 6,0 ngày; BQLKCN: 7,0 ngày)				
B1	CCVC Quầy Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công	Tiếp nhận hồ sơ thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường chuyển lãnh đạo Chi cục Bảo vệ Môi trường	0,5 ngày	
	CCVC Quầy Ban Quản lý các Khu công nghiệp tại Trung tâm Hành chính công	Tiếp nhận hồ sơ thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng chuyển lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp	0,5 ngày	
B2	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	Phân công xử lý đối với hồ sơ thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	0,5 ngày	

	Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Phân công xử lý đối với hồ sơ thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	0,5 ngày	
B3	Chuyên viên Chi cục Bảo vệ Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	Kiểm tra hồ sơ phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	5,0 ngày	Nếu hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định thì có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc từ chối nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do)
	Chuyên viên phòng chuyên môn Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Kiểm tra hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	6,0 ngày	Nếu hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định thì có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc từ chối nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do)
B3.1. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu				
B4	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	Ký duyệt văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đối với thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, chuyển sang Quầy Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công	0,5 ngày	
	Lãnh đạo Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Ký duyệt văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đối với thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, chuyển sang Quầy Ban Quản lý các Khu công nghiệp tại Trung tâm Hành chính công	0,5 ngày	
B5	CCVC Quầy Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công	Chuyển văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ (hoặc văn bản từ chối nhận hồ sơ) của thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	

	CCVC Quầy Ban Quản lý các Khu công nghiệp tại Trung tâm Hành chính công	Chuyển văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ (hoặc văn bản từ chối nhận hồ sơ) của thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	
B3.2. Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Thực hiện các bước giải quyết TTHC đối với từng thủ tục theo quy định				
2	Quy trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: 14 ngày (<i>TTHCC: 0,5 ngày; STNMT 7,5 ngày; UBND tỉnh: 6,0 ngày</i>)			
2.1	Quy trình thẩm định trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Sở TNMT: 7,5 ngày			
B4	Chuyên viên Chi cục Bảo vệ Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	Tổ chức thẩm tra, thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản trình lãnh đạo Chi cục Bảo vệ Môi trường	5,0 ngày	
B5	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét hồ sơ, văn bản trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	1,0 ngày	
B6	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Ký duyệt, chuyển hồ sơ cho chuyên viên Chi cục Bảo vệ Môi trường	1,0 ngày	
B7	Chuyên viên Chi cục Bảo vệ Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	Lưu hồ sơ, chuyển hồ sơ sang Quầy Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công	0,5 ngày	
B8	CCVC Quầy Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công	Chuyển hồ sơ sang Quầy Văn phòng UBND tỉnh tại Trung tâm Hành chính công để trình quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	Giờ hành chính	
2.2	Quy trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại UBND tỉnh: 6,5 ngày (<i>TTHCC: 0,5 ngày; UBND tỉnh: 6,0 ngày</i>)			
B9	CCVC Quầy Văn phòng UBND tỉnh tại Trung tâm Hành chính công	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường chuyên phòng chuyên môn	0,5 ngày	

B10	Chuyên viên phòng chuyên môn Văn phòng UBND tỉnh	Thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản trình lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	3,5 ngày	
B11	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	Thẩm tra xử lý hồ sơ trình lãnh đạo UBND tỉnh	1,0 ngày	
B12	Lãnh đạo UBND tỉnh	Ký duyệt, chuyển hồ sơ cho chuyên viên phòng chuyên môn	1,0 ngày	
B13	Chuyên viên phòng chuyên môn Văn phòng UBND tỉnh	Lưu hồ sơ, chuyển hồ sơ sang Quầy Văn phòng UBND tỉnh tại Trung tâm Hành chính công	0,5 ngày	
B14	CCVC Quầy Văn phòng UBND tỉnh tại Trung tâm Hành chính công	Chuyển kết quả sang Quầy Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công	Giờ hành chính	
B15	CCVC Quầy Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân, đồng thời chuyển kết quả phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường sang Quầy Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Giờ hành chính	
3	Quy trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Dự án nhóm A: 32,5 ngày; Dự án nhóm B: 22,5 ngày; Dự án nhóm C: 12,5 ngày)			
B4	Chuyên viên phòng chuyên môn Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Xem xét, thẩm tra, xử lý, dự thảo văn bản trình lãnh đạo phòng	Dự án nhóm A: 27,5 ngày Dự án nhóm B: 17,5 ngày Dự án nhóm C: 7,5 ngày	Thực hiện xử lý tiếp tục khi bước 3 (bước kiểm tra hồ sơ) đã đáp ứng yêu cầu. Trong thời gian xử lý sẽ đồng thời nhận kết quả phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường từ Quầy Ban Quản lý các Khu công nghiệp tại Trung tâm Hành chính công chuyển đến.
B5	Lãnh đạo phòng chuyên môn Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Xem xét, thông qua dự thảo trình lãnh đạo Ban	3,0 ngày	

B6	Lãnh đạo Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Ký duyệt chuyển hồ sơ cho Chuyên viên phòng chuyên môn	1,0 ngày	
B7	Chuyên viên phòng chuyên môn Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Lưu hồ sơ, chuyển kết quả sang Quầy Ban Quản lý các Khu công nghiệp tại Trung tâm Hành chính công để trả cho tổ chức, cá nhân	1,0 ngày	
B8	Quầy Ban Quản lý các Khu công nghiệp tại Trung tâm Hành chính công	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân, đồng thời thông báo mức thu và hướng dẫn nộp phí khi trả kết quả giải quyết thủ tục báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Giờ hành chính	

Phụ lục II

QUY TRÌNH CÁC BƯỚC VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN LIÊN THÔNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NHÓM 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2460 /QĐ-UBND ngày 23 / 11 /2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận)

Liên thông thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài (thuộc thẩm quyền tham mưu giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư) với một trong các TTHC sau đây:

(1) Thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư).

(2) Thủ tục đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư).

(3) Thủ tục đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư).

(4) Thủ tục đăng ký thành lập công ty cổ phần (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư).

(5) Thủ tục đăng ký thành lập công ty hợp danh (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư).

Thời gian hẹn trả kết quả: 18,0 ngày.

Trình tự	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)	Ghi chú
1. Tiếp nhận và thẩm tra hồ sơ ban đầu (TTHCC: 0,25 ngày; Sở KHĐT: thủ tục ĐKDN là 2,5 ngày; thủ tục CGCNĐT là 4,5 ngày)				
B1	CCVC Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ sang phòng Hợp tác đầu tư và phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	0,25 ngày	
B2	Lãnh đạo phòng Hợp tác đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phân công xử lý đối với hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	0,25 ngày	
	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phân công xử lý đối với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp	0,25 ngày	

B3	Chuyên viên phòng Hợp tác đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	4,0 ngày	Nếu hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định thì có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc từ chối nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do)
	Chuyên viên phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kiểm tra hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp	2,0 ngày	Nếu hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định thì có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc từ chối nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do)

B3.1. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu

B4	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thông qua văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đối với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chuyển sang Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	0,25 ngày	
	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thông qua văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đối với thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chuyển sang Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	0,25 ngày	
B5	CCVC Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	Chuyển văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ (hoặc văn bản từ chối nhận hồ sơ) cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	

B3.2. Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu:

Thực hiện các bước giải quyết TTHC đối với từng thủ tục theo quy định

2	Quy trình cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (dự án đầu tư nước ngoài): SKHĐT 10,25 ngày			
B4	Chuyên viên Phòng Hợp tác đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xử lý hồ sơ chuyển lãnh đạo Phòng Hợp tác đầu tư	7,25 ngày	
B5	Lãnh đạo Phòng Hợp tác đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xem xét thông qua trình lãnh đạo Sở	1,5 ngày	

B6	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ký duyệt, chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Hợp tác đầu tư	1,0 ngày	
B7	Chuyên viên Phòng Hợp tác đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Lưu hồ sơ, chuyển kết quả về Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công; đồng thời chuyển kết quả sang phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư để giải quyết thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp	0,5 ngày	
B8	CCVC Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	
3	Quy trình thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp: 3,0 ngày (SKHĐT: 2,75 ngày; Thuế: 0,25 ngày)			
B9	Chuyên viên phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh	2,25 ngày	
B10	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xem xét, chuyển thông tin sang cơ quan Thuế	0,25 ngày	
B11	Cơ quan Thuế	Đăng ký thuế trên hệ thống thông tin đăng ký thuế, chuyển thông tin thuế sang Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	0,25 ngày	
B12	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm tra, ký duyệt, chuyển kết quả về Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày	
B13	CCVC Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân, đồng thời thông báo mức thu và hướng dẫn nộp phí của thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp khi trả kết quả giải quyết thủ tục	Giờ hành chính	

Phụ lục IIIa

QUY TRÌNH CÁC BƯỚC VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN LIÊN THÔNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NHÓM 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2460 /QĐ-UBND ngày 23 / 11 /2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận)

Liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư) với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế)

1. Trường hợp không đi cơ sở

Thời gian hẹn trả kết quả: 23 ngày.

Trình tự	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)	Ghi chú
1. Tiếp nhận và thẩm tra hồ sơ ban đầu (TTHCC: 0,25 ngày; Sở KHĐT: 2,5 ngày; SYT: 4,0 ngày)				
B1	CCVC Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân chuyển phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời thông báo cho tổ chức, cá nhân mức thu và hướng dẫn nộp phí của thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân khi tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày	
	CCVC Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	Tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt chuyển phòng chuyên môn, Sở Y tế; đồng thời thông báo cho tổ chức, cá nhân mức thu và hướng dẫn nộp phí của thủ tục kinh doanh dược khi tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày	
B2	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phân công xử lý đối với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	0,25 ngày	

	Lãnh đạo phòng chuyên môn, Sở Y tế	Phân công xử lý đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt	0,25 ngày	
B3	Chuyên viên phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kiểm tra hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	2,0 ngày	Nếu hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định thì có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc từ chối nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do).
	Chuyên viên phòng chuyên môn Sở Y tế	Kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt	3,5 ngày	Nếu hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định thì có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc từ chối nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do).
<i>B3.1. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu</i>				
B4	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thông qua văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đối với thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân chuyển sang Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	0,25 ngày	
	Lãnh đạo Sở Y tế	Thông qua văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt chuyển sang Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	0,25 ngày	
B5	CCVC Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	Chuyển văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ (hoặc văn bản từ chối nhận hồ sơ) của thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	

	CCVC Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	Chuyển văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ (hoặc văn bản từ chối nhận hồ sơ) của thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở kinh doanh thuộc phải kiểm soát đặc biệt cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	
B3.2. Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu:				
Thực hiện các bước giải quyết TTHC đối với từng thủ tục theo quy định				
2	Quy trình đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân: 03 ngày (SKHĐT: 2,75 ngày; Thuế: 0,25 ngày)			
B4	Chuyên viên phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh	2,25 ngày	
B5	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xem xét, chuyển thông tin sang cơ quan Thuế	0,25 ngày	
B6	Cơ quan Thuế	Đăng ký thuế trên hệ thống thông tin đăng ký thuế, chuyển thông tin thuế sang Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	0,25 ngày	
B7	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm tra, ký duyệt, chuyển kết quả về Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày	
B8	CCVC Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; đồng thời chuyển kết quả đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân sang Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	Giờ hành chính	
3	Quy trình thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở kinh doanh thuộc phải kiểm soát đặc biệt: SYT 15,75 ngày			
B9	Chuyên viên phòng chuyên môn Sở Y tế	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình lãnh đạo phòng	11,75 ngày	Tiếp tục xử lý hồ sơ khi nhận kết quả đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân do Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công chuyển đến

B10	Lãnh đạo phòng chuyên môn Sở Y tế	Xem xét, thông qua trình lãnh đạo sở	1,5 ngày	
B11	Lãnh đạo Sở Y tế	Ký duyệt, chuyển hồ sơ cho chuyên viên phòng chuyên môn	2,0 ngày	
B12	Chuyên viên phòng chuyên môn Sở Y tế	Lưu hồ sơ, chuyển kết quả về Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5 ngày	
B13	CCVC Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	

2. Trường hợp đi cơ sở để kiểm tra

Thời gian hẹn trả kết quả: 33,0 ngày

Trình tự	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)	Ghi chú
1. Tiếp nhận và thẩm tra hồ sơ ban đầu (TTHCC: 0,25 ngày; Sở KHĐT: 2,5 ngày; SYT: 4,0 ngày)				
B1	CCVC Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân chuyển phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời thông báo cho tổ chức, cá nhân mức thu và hướng dẫn nộp phí của thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân khi tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày	
	CCVC Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	Tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt chuyển phòng chuyên môn, Sở Y tế; đồng thời thông báo cho tổ chức, cá nhân mức thu và hướng dẫn nộp phí của thủ tục kinh doanh dược khi tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày	
B2	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phân công xử lý đối với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	0,25 ngày	

	Lãnh đạo phòng chuyên môn, Sở Y tế	Phân công xử lý đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt	0,25 ngày	
B3	Chuyên viên phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kiểm tra hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	2,0 ngày	Nếu hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định thì có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc từ chối nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do).
	Chuyên viên phòng chuyên môn Sở Y tế	Kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt	3,5 ngày	Nếu hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định thì có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc từ chối nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do).
<i>B3.1. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu</i>				
B4	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thông qua văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đối với thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân chuyển sang Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	0,25 ngày	
	Lãnh đạo Sở Y tế	Thông qua văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt chuyển sang Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	0,25 ngày	
B5	CCVC Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	Chuyển văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ (hoặc văn bản từ chối nhận hồ sơ) của thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	

	CCVC Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	Chuyển văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ (hoặc văn bản từ chối nhận hồ sơ) của thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở kinh doanh thuộc phải kiểm soát đặc biệt cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	
B3.2. Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu:				
Thực hiện các bước giải quyết TTHC đối với từng thủ tục theo quy định				
2	Quy trình đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân: 03 ngày (SKHĐT: 2,75 ngày; Thuế: 0,25 ngày)			
B4	Chuyên viên phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh	2,25 ngày	
B5	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xem xét, chuyển thông tin sang cơ quan Thuế	0,25 ngày	
B6	Cơ quan Thuế	Đăng ký thuế trên hệ thống thông tin đăng ký thuế, chuyển thông tin thuế sang Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	0,25 ngày	
B7	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm tra, ký duyệt, chuyển kết quả về Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày	
B8	CCVC Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; đồng thời chuyển kết quả đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân sang Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	Giờ hành chính	
3	Quy trình thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở kinh doanh thuộc phải kiểm soát đặc biệt: SYT 25,75 ngày			
B9	Chuyên viên phòng chuyên môn Sở Y tế	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình lãnh đạo phòng	21,75 ngày	Tiếp tục xử lý hồ sơ khi nhận kết quả đăng ký thành lập doanh nghiệp do Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công chuyển đến

B10	Lãnh đạo phòng chuyên môn Sở Y tế	Xem xét, thông qua trình lãnh đạo sở	1,5 ngày	
B11	Lãnh đạo Sở Y tế	Ký duyệt, chuyển hồ sơ cho chuyên viên phòng chuyên môn	2,0 ngày	
B12	Chuyên viên phòng chuyên môn Sở Y tế	Lưu hồ sơ, chuyển kết quả về Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5 ngày	
B13	CCVC Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	

Phụ lục IIIb

**QUY TRÌNH CÁC BƯỚC VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN LIÊN THÔNG
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NHÓM 3**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2460 /QĐ-UBND ngày 23 / 11 /2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận)*

Liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư) với thủ tục cấp Giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế)

Thời gian hẹn trả kết quả: 43,0 ngày.

Trình tự	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)	Ghi chú
1. Tiếp nhận và thẩm tra hồ sơ ban đầu (TTHCC: 0,25 ngày; Sở KHĐT: 2,5 ngày; SYT: 4,0 ngày)				
B1	CCVC Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân chuyển phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	0,25 ngày	
	CCVC Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	Tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép hoạt động phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế chuyển phòng chuyên môn, Sở Y tế	0,25 ngày	
B2	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phân công xử lý đối với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	0,25 ngày	
	Lãnh đạo phòng chuyên môn, Sở Y tế	Phân công xử lý đối với hồ sơ cấp giấy phép hoạt động phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	0,25 ngày	
B3	Chuyên viên phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kiểm tra hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	2,0 ngày	Nếu hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định thì có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc từ chối nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do).

	Chuyên viên phòng chuyên môn Sở Y tế	Kiểm tra hồ sơ cấp giấy phép hoạt động phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	3,5 ngày	Nếu hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định thì có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc từ chối nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do).
B3.1. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu				
B4	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thông qua văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đối với thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân chuyển sang Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	0,25 ngày	
	Lãnh đạo Sở Y tế	Thông qua văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đối với thủ tục cấp giấy phép hoạt động phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế chuyển sang Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	0,25 ngày	
B5	CCVC Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	Chuyển văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ (hoặc văn bản từ chối nhận hồ sơ) của thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	
	CCVC Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	Chuyển văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ (hoặc văn bản từ chối nhận hồ sơ) của thủ tục cấp giấy phép hoạt động phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	
B3.2. Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu:				
Thực hiện các bước giải quyết TTHC đối với từng thủ tục theo quy định				
2	Quy trình đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân: 03 ngày (<i>SKHĐT: 2,75 ngày; Thuế: 0,25 ngày</i>)			
B4	Chuyên viên phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh	2,25 ngày	

B5	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xem xét, chuyển thông tin sang cơ quan Thuế	0,25 ngày	
B6	Cơ quan Thuế	Đăng ký thuế trên hệ thống thông tin đăng ký thuế, chuyển thông tin thuế sang Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	0,25 ngày	
B7	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm tra, ký duyệt, chuyển kết quả về Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày	
B8	CCVC Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; thông báo mức thu và hướng dẫn nộp phí của thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp khi trả kết quả giải quyết hồ sơ; đồng thời chuyển kết quả đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân sang Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	Giờ hành chính	
3	Quy trình thủ tục cấp giấy phép hoạt động Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền Sở Y tế (35,75 ngày)			
B9	Chuyên viên phòng chuyên môn Sở Y tế	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình lãnh đạo phòng	31,75 ngày	Tiếp tục xử lý hồ sơ khi nhận kết quả đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân do Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công chuyển đến
B10	Lãnh đạo phòng chuyên môn Sở Y tế	Xem xét, thông qua trình lãnh đạo sở	1,5 ngày	
B11	Lãnh đạo Sở Y tế	Ký duyệt, chuyển hồ sơ cho chuyên viên phòng chuyên môn	2,0 ngày	
B12	Chuyên viên phòng chuyên môn Sở Y tế	Lưu hồ sơ, chuyển kết quả về Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5 ngày	

B13	CCVC Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; đồng thời thông báo mức thu và hướng dẫn nộp phí của thủ tục cấp giấy phép hoạt động Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền Sở Y tế khi trả kết quả giải quyết hồ sơ	Giờ hành chính	
-----	---	---	----------------	--

Phụ lục IIIc

**QUY TRÌNH CÁC BƯỚC VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN LIÊN THÔNG
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NHÓM 3**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2460 /QĐ-UBND ngày 23 / 11 /2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận)*

Liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư) với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Thời gian hẹn trả kết quả: 10,0 ngày.

Trình tự	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)	Ghi chú
1. Tiếp nhận và thẩm tra hồ sơ ban đầu (TTHCC: 0,25 ngày; Sở KHĐT: 2,5 ngày; SNNPTNT: 3,0 ngày)				
B1	CCVC Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân chuyên phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời thông báo cho tổ chức, cá nhân mức thu và hướng dẫn nộp phí của thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân khi tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày	
	CCVC Quầy Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Hành chính công	Tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y chuyên phòng chuyên môn Sở Nông nghiệp và PTNT; đồng thời thông báo cho tổ chức, cá nhân mức thu và hướng dẫn nộp phí của thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y khi tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày	
B2	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phân công xử lý đối với hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	0,25 ngày	

	Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thú y, Sở Nông nghiệp và PTNT	Phân công xử lý đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	0,25 ngày	
B3	Chuyên viên phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kiểm tra hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	2,0 ngày	Nếu hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định thì có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc từ chối nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do).
	Chuyên viên phòng chuyên môn Chi cục Thú y, Sở Nông nghiệp và PTNT	Kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	2,5 ngày	Nếu hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định thì có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc từ chối nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do).
<i>B3.1. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu</i>				
B4	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thông qua văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đối với thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân chuyển sang Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	0,25 ngày	
	Lãnh đạo Chi cục Thú y, Sở Nông nghiệp và PTNT	Thông qua văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y chuyển sang Quầy Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Hành chính công	0,25 ngày	
B5	CCVC Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	Chuyển văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ (hoặc văn bản từ chối nhận hồ sơ) của thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	
	CCVC Quầy Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Hành chính công	Chuyển văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ (hoặc văn bản từ chối nhận hồ sơ) của thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	

B3.2. Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu:

Thực hiện các bước giải quyết TTHC đối với từng thủ tục theo quy định

2	Quy trình đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân: 03 ngày (SKHĐT: 2,75 ngày; Thuế: 0,25 ngày)			
B4	Chuyên viên phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh	2,25 ngày	
B5	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xem xét, chuyển thông tin sang cơ quan Thuế	0,25 ngày	
B6	Cơ quan Thuế	Đăng ký thuế trên hệ thống thông tin đăng ký thuế, chuyển thông tin thuế sang Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	0,25 ngày	
B7	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm tra, ký duyệt, chuyển kết quả về Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày	
B8	CCVC Quầy Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Hành chính công	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; đồng thời chuyển kết quả đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân sang Quầy Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Hành chính công	Giờ hành chính	
3	Quy trình thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (Chi cục Thú y thuộc SNNPTNT: 3,75 ngày)			
B9	Chuyên viên phòng chuyên môn Chi cục Thú y, Sở Nông nghiệp và PTNT	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình lãnh đạo phòng	2,25 ngày	Tiếp tục xử lý hồ sơ khi nhận kết quả đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân do Quầy Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Hành chính công chuyển đến
B10	Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thú y, Sở Nông nghiệp và PTNT	Xem xét, thông qua trình lãnh đạo sở	0,25 ngày	

B11	Lãnh đạo Chi cục Thú y, Sở Nông nghiệp và PTNT	Ký duyệt, chuyển hồ sơ sang chuyên viên phòng chuyên môn	1,0 ngày	
B12	Chuyên viên phòng chuyên môn Chi cục Thú y, Sở Nông nghiệp và PTNT	Lưu hồ sơ, chuyển kết quả về Quầy Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày	
B13	CCVC Quầy Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Hành chính công	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	

Phụ lục IV

QUY TRÌNH CÁC BƯỚC VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN LIÊN THÔNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NHÓM 4

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2460 /QĐ-UBND ngày 23 / 11 /2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận)

Liên thông thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh (thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện) với thủ tục cấp Giấy phép hoạt động Phòng khám chuyên khoa (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế).

Thời gian hẹn trả kết quả: 43,0 ngày.

Trình tự	Chức danh, vị trí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)	Ghi chú
1. Tiếp nhận và thẩm tra hồ sơ ban đầu (TTHCC: 0,25 ngày; Phòng TCKH: 2,5 ngày; SYT: 4,0 ngày)				
B1	CCVC Quầy Phòng TCKH tại Bộ phận Một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh chuyên phòng Tài chính kế hoạch cấp huyện	0,25 ngày	
	CCVC Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	Tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép hoạt động phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế chuyên phòng chuyên môn, Sở Y tế	0,25 ngày	
B2	Lãnh đạo phòng Tài chính kế hoạch cấp huyện	Phân công xử lý đối với hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh	0,25 ngày	
	Lãnh đạo phòng chuyên môn, Sở Y tế	Phân công xử lý đối với hồ sơ cấp giấy phép hoạt động phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	0,25 ngày	
B3	Chuyên viên phòng Tài chính kế hoạch cấp huyện	Kiểm tra hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh	2,0 ngày	Nếu hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định thì có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc từ chối nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do).

	Chuyên viên phòng chuyên môn Sở Y tế	Kiểm tra hồ sơ cấp giấy phép hoạt động phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	3,5 ngày	Nếu hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định thì có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc từ chối nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do).
B3.1. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu				
B4	Lãnh đạo phòng Tài chính kế hoạch cấp huyện	Thông qua văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đối với thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh chuyển sang Quầy Phòng TCKH tại Bộ phận Một cửa cấp huyện	0,25 ngày	
	Lãnh đạo Sở Y tế	Thông qua văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đối với thủ tục cấp giấy phép hoạt động phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế chuyển sang Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	0,25 ngày	
B5	CCVC Quầy Phòng TCKH tại Bộ phận Một cửa cấp huyện	Chuyển văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ (hoặc văn bản từ chối nhận hồ sơ) của thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	
	CCVC Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	Chuyển văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ (hoặc văn bản từ chối nhận hồ sơ) của thủ tục cấp giấy phép hoạt động phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	
B3.2. Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu:				
Thực hiện các bước giải quyết TTHC đối với từng thủ tục theo quy định				
2	Quy trình đăng ký thành lập hộ kinh doanh: 03 ngày (<i>Phòng TCKH cấp huyện: 2,75 ngày; Thuế: 0,25 ngày</i>)			
B4	Chuyên viên phòng Tài chính kế hoạch cấp huyện	Xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng Tài chính kế hoạch	2,25 ngày	
B5	Lãnh đạo Tài chính kế hoạch cấp huyện	Xem xét, chuyển thông tin sang cơ quan Thuế	0,25 ngày	

B6	Cơ quan Thuế	Đăng ký thuế trên hệ thống thông tin đăng ký thuế, chuyển thông tin thuế sang lãnh đạo Tài chính kế hoạch cấp huyện	0,25 ngày	
B7	Lãnh đạo Tài chính kế hoạch cấp huyện	Thẩm tra, ký duyệt, chuyển kết quả về Quầy Phòng TCKH tại Bộ phận Một cửa cấp huyện	0,25 ngày	
B8	CCVC Quầy Phòng TCKH tại Bộ phận Một cửa cấp huyện	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; đồng thời chuyển kết quả đăng ký thành lập hộ kinh doanh sang Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	Giờ hành chính	
3	Quy trình thủ tục cấp giấy phép hoạt động Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền Sở Y tế (35,75 ngày)			
B9	Chuyên viên phòng chuyên môn Sở Y tế	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình lãnh đạo phòng	31,75 ngày	Tiếp tục xử lý hồ sơ khi nhận kết quả đăng ký thành lập hộ kinh doanh do Quầy Phòng TCKH tại Bộ phận Một cửa cấp huyện chuyển đến
B10	Lãnh đạo phòng chuyên môn Sở Y tế	Xem xét, thông qua trình lãnh đạo sở	1,5 ngày	
B11	Lãnh đạo Sở Y tế	Ký duyệt, chuyển hồ sơ cho chuyên viên phòng chuyên môn	2,0 ngày	
B12	Chuyên viên phòng chuyên môn Sở Y tế	Lưu hồ sơ, chuyển kết quả về Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5 ngày	
B13	CCVC Quầy Sở Y tế tại Trung tâm Hành chính công	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; đồng thời thông báo mức thu và hướng dẫn nộp phí của thủ tục cấp giấy phép hoạt động Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền Sở Y tế khi trả kết quả giải quyết hồ sơ	Giờ hành chính	

Phụ lục V

THÀNH PHẦN, SỐ LƯỢNG HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT VÀ PHÍ, LỆ PHÍ CỦA CÁC NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG (Ban hành kèm theo Quyết định số: 2460 /QĐ-UBND ngày 23 / 11 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận)

I. Nhóm 1: Liên thông thủ tục phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (*thuộc thẩm quyền tham mưu giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt*) với thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (*đối với các dự án đầu tư trong các Khu công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp*).

1. Thủ tục phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (*thuộc thẩm quyền tham mưu giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt*)

a) Thành phần hồ sơ

(1) Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả thẩm định;

(2) Bản chính Báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) được tổ chức/cá nhân ký vào phía dưới của từng trang hoặc đóng dấu giáp lai báo cáo kể cả phụ lục (định dạng đuôi “.pdf”).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

d) Phí, lệ phí: Không có.

2. Thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (*đối với các dự án đầu tư trong các Khu công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp*)

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình thẩm định theo quy định (*Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021*).

(2) Chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

(3) Giấy chứng nhận đầu tư do Ban Quản lý các KCN tỉnh cấp.

(4) Một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình, nhà ở riêng lẻ theo quy định của pháp luật (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/Hợp đồng thuê đất*). Trường hợp điều chỉnh tên công ty thì phải có Văn bản xác nhận của Chủ đầu tư hạ tầng KCN.

(5) Quyết định phê duyệt về quy hoạch kèm bản vẽ (nếu có).

(6) Thẩm duyệt PCCC và kèm bản vẽ.

(7) Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có).

(8) Các văn bản pháp lý có liên quan:

- Báo cáo khảo sát địa chất và Văn bản chấp thuận kết quả báo cáo KSĐC được phê duyệt theo quy định.

- Thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (*Theo mẫu số 5 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021*)

- Quyết định phê duyệt các nhà thầu tham gia dự án (nếu có)

(9) Báo cáo tổng hợp dự án (Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng trong trường hợp thẩm định dự án/dự án điều chỉnh) (*Theo Điều 54 Luật xây dựng 2014*), gồm:

(10) Thuyết minh Thiết kế cơ sở, gồm:

(11) Bản vẽ Thiết kế cơ sở:

(12) Hồ sơ năng lực tổng thầu (nếu có).

(13) Hồ sơ năng lực, Chứng chỉ chủ nhiệm, chủ trì đơn vị khảo sát.

(14) Hồ sơ năng lực, Chứng chỉ chủ nhiệm, chủ trì đơn vị thiết kế.

(15) Hồ sơ năng lực, Chứng chỉ chủ nhiệm, chủ trì đơn vị thẩm tra.

(16) Giấy giới thiệu/ủy quyền (kèm CMND hoặc CCCD) (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (gồm 01 bản chính và tùy thuộc vào việc lấy ý kiến các đơn vị liên quan sẽ phát sinh bộ hồ sơ tương ứng).

c) Kết quả giải quyết TTHC: Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư kèm theo hồ sơ thiết kế trình thẩm định có đóng dấu thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

d) Phí, lệ phí: Theo Thông tư 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính (phụ thuộc vào tổng mức đầu tư dự án).

II. Nhóm 2: Liên thông thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài (*thuộc thẩm quyền tham mưu giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*) với một trong các TTHC sau đây:

(1) Thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

(2) Thủ tục đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

(3) Thủ tục đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

(4) Thủ tục đăng ký thành lập công ty cổ phần (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

(5) Thủ tục đăng ký thành lập công ty hợp danh (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài (*thuộc thẩm quyền tham mưu giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*)

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (mẫu A.I.1 đính kèm);

(2) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty;

(3) Văn bản đề xuất dự án đầu tư (Mẫu A.I.3 đính kèm);

(4) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của Công ty. Gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính trong 02 năm gần nhất, Cam kết hỗ trợ tài chính của Công ty mẹ; Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; Bảo lãnh về năng lực tài chính của Công ty; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của Công ty;

(5) Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phân đất đăng ký thực hiện dự án hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án;

(6) Bản đồ vị trí khu đất thực hiện dự án (lập theo hệ tọa độ VN-2000, múi chiếu 30, khu vực Bình Thuận).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo mẫu A.II.8 quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.

d) Phí, lệ phí: Không có.

2. Thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

(2) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu hồ sơ hợp lệ;

- Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nếu hồ sơ chưa hợp lệ.

d) Phí, lệ phí: Theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính (phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 100.000 đồng/lần).

3. Thủ tục đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Trường hợp do cá nhân làm chủ sở hữu:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

- Điều lệ công ty.

- Bản sao các giấy tờ sau đây:

+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân

+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành (do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp).

- Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh thì nộp thêm bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh + bản sao GCNĐK thuế.

(Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài).

(2) Trường hợp do tổ chức làm chủ sở hữu:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- Điều lệ công ty.
- Bản sao các giấy tờ sau đây:

+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

+ Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.

(Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự).

+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành (do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp).

- Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh thì nộp thêm bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh + bản sao GCNĐK thuế.

(Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Kết quả:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu hồ sơ hợp lệ;
- Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nếu hồ sơ chưa hợp lệ.

d) Phí, lệ phí: Theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính (phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 100.000 đồng/lần).

4. Thủ tục đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư).

a) Thành phần hồ sơ:

- (1) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- (2) Điều lệ công ty.

** Điều lệ công ty khi đăng ký doanh nghiệp phải bao gồm họ, tên và chữ ký của những người sau đây: Thành viên là cá nhân và người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;*

(3) Danh sách thành viên.

(4) Bản sao các giấy tờ sau đây:

- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty/ Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.

(Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự)

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành (do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp).

(5) Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh thì nộp thêm bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh + bản sao GCNĐK thuế.

(Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu hồ sơ hợp lệ;
- Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nếu hồ sơ chưa hợp lệ.

d) Phí, lệ phí: Theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính (phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 100.000 đồng/lần).

5. Thủ tục đăng ký thành lập công ty cổ phần (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư).

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

(2) Điều lệ công ty.

** Điều lệ công ty khi đăng ký doanh nghiệp phải bao gồm họ, tên và chữ ký của những người sau đây: Cổ đông sáng lập là cá nhân và người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập là tổ chức.*

(3) Danh sách cổ đông sáng lập

(4) Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).

(5) Bản sao các giấy tờ sau đây:

- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân/ Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.

(Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự)

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành (do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp).

(6) Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh thì nộp thêm bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh + bản sao GCNĐK thuế.

(Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu hồ sơ hợp lệ;

- Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nếu hồ sơ chưa hợp lệ.

d) Phí, lệ phí: Theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính (phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 100.000 đồng/lần).

6. Thủ tục đăng ký thành lập công ty hợp danh (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư).

a) Thành phần hồ sơ:

- (1) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
- (2) Điều lệ công ty.
- (3) Danh sách thành viên.
- (4) Bản sao các giấy tờ sau đây:

- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.

(Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự)

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành (do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu hồ sơ hợp lệ;
- Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nếu hồ sơ chưa hợp lệ.

d) Phí, lệ phí: Theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính (phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 100.000 đồng/lần).

III. Nhóm 3: Liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư) với một trong các TTHC sau đây:

(1) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở kinh doanh thuộc phải kiểm soát đặc biệt (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế).

(2) Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế).

(3) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

1. Thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư*)

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp

(2) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu hồ sơ hợp lệ;

- Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nếu hồ sơ chưa hợp lệ.

d) Phí, lệ phí: Theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính (phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 100.000 đồng/lần).

2. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế*).

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược (*giấy chứng nhận cập nhật kiến thức chuyên môn về dược gần nhất, giấy xác nhận hoàn thành chương trình đào tạo đối với trường hợp được cấp Chứng chỉ hành nghề dược sau 03 năm kể từ ngày được cấp Chứng chỉ hành nghề dược*).

(2) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở (do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp).

(3) Danh mục các thuốc phân phối (*bao gồm thuốc phải kiểm soát đặc biệt*).

(4) Tài liệu kỹ thuật bao gồm Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược hoặc Giấy chứng nhận thực hành tốt tại địa điểm kinh doanh (nếu có) và các tài liệu kỹ thuật sau:

a) Đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc: Tài liệu về địa điểm, kho bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc, trang thiết bị bảo quản, phương tiện vận chuyển, hệ thống quản lý chất lượng, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự theo nguyên tắc thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm

thuốc theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục IV kèm theo Thông tư 03/2018/TT-BYT (theo mẫu đính kèm);

* Thành phần hồ sơ kèm theo mẫu số 05 Phụ lục IV kèm theo Thông tư 03/2018/TT-BYT gồm:

- Nhân sự

+ Sơ đồ nhân sự của cơ sở, bao gồm vị trí quản lý chất lượng, quản lý kho bảo quản, kiểm tra chất lượng, giao nhận, kinh doanh.

+ Danh sách nhân sự của cơ sở: tên, chức danh, trình độ chuyên môn,...

- Kho bảo quản

+ Sơ đồ vị trí địa lý của kho bảo quản thuốc/nguyên liệu làm thuốc/vắc xin sinh phẩm trong mặt bằng tổng thể của cơ sở;

+ Bản vẽ thiết kế kho và các khu vực bảo quản cho các sản phẩm khác nhau, các khu vực biệt trữ và xử lý các chất có độc tính cao, hoạt chất nguy hiểm và các nguyên liệu nhạy cảm, (nếu có);

+ Mô tả ngắn gọn về các điều kiện bảo quản cụ thể (nếu áp dụng) nhưng không được thể hiện trên các bản vẽ.

- Danh mục thiết bị bảo quản, phương tiện vận chuyển: Liệt kê danh mục các thiết bị chính sử dụng để bảo quản, vận chuyển, thời hạn kiểm định thiết bị.

- Hồ sơ tài liệu

+ Mô tả chung về hệ thống hồ sơ tài liệu của cơ sở (ví dụ hệ thống tài liệu điện tử, tài liệu bản cứng).

+ Danh mục các quy định, hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động phân phối thuốc/ nguyên liệu làm thuốc.

+ Danh mục các quy trình, thao tác chuẩn thực hiện việc phân phối thuốc/nguyên liệu làm thuốc

+ Báo cáo về hệ thống chất lượng của cơ sở phân phối tổ chức chuỗi nhà thuốc GPP.

- Tự thanh tra: Mô tả ngắn gọn về hệ thống tự thanh tra của cơ sở, kết quả tự thanh tra và tự đánh giá mức độ đáp ứng đạt yêu cầu GDP của cơ sở.

(5) Tài liệu thuyết minh cơ sở đáp ứng các biện pháp bảo đảm an ninh, không thất thoát thuốc phải kiểm soát đặc biệt theo Mẫu số 18 Phụ lục II của Nghị định 54/2017/NĐ-CP (theo mẫu đính kèm).

(6) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược theo Mẫu số 19 Phụ lục I tại Phụ lục II của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP (theo mẫu đính kèm).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được.

d) Phí, lệ phí: Theo Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12/6/2023 của Bộ Tài chính (phí thẩm định 4.000.000đ/lần).

3. Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế).

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 02 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP (theo mẫu đính kèm);

(2) Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; người phụ trách bộ phận chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

(3) Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài (giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp);

(4) Danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất trên cơ sở danh mục chuyên môn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

(5) Danh sách đăng ký người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm đăng ký người hành nghề và người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề) theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP (đính kèm);

(6) Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định 109/2016/NĐ-CP;

(7) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu 01 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP (theo mẫu đính kèm).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

d) Phí, lệ phí: Theo Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính (phí thẩm định 4.300.000đ/hồ sơ).

4. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT, được sửa đổi theo Thông tư 13/2022/BNNPTNT ngày 28/9/2022).

(2) Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.

(3) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp).

(4) Chứng chỉ hành nghề thú y.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.

d) Phí, lệ phí: Theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính (230.000đ/lần).

IV. Nhóm 4: Liên thông thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện*) với thủ tục cấp Giấy phép hoạt động Phòng khám chuyên khoa (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế*).

1. Thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện*)

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh;

(2) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;

(3) Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc thành lập hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;

(4) Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh nếu hồ sơ hợp lệ;
- Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh nếu hồ sơ chưa hợp lệ.

d) Lệ phí: Không có.

2. Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động Phòng khám chuyên khoa (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế).

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 02 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP (theo mẫu đính kèm);

(2) Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; người phụ trách bộ phận chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

(3) Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài (Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện cung cấp);

(4) Danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất trên cơ sở danh mục chuyên môn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

(5) Danh sách đăng ký người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm đăng ký người hành nghề và người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề) theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP (đính kèm);

(6) Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định 109/2016/NĐ-CP;

(7) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu 01 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP (theo mẫu đính kèm).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

c) Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

d) Phí, lệ phí: Theo Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính (phí thẩm định 4.300.000đ/hồ sơ)/.